



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 85.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/6/2012 gồm:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp Hiệp An	Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng
2	Xí Nghiệp Gạch ngói Tuynel Thạnh Mỹ	Nghĩa Lập, Thạnh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng
3	Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, Thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng
4	Xí Nghiệp Bê tông Hiệp Lực	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt
5	Xí Nghiệp Xây Lắp	Đã ngừng hoạt động từ năm 2007
6	Xí Nghiệp Đá Cát	Đã ngừng hoạt động từ năm 2011

Các công ty con tính đến ngày 30/06/2012 gồm :

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt
2	Công ty CP Hiệp Thành	Tam Bố, Di Linh, Lâm Đồng

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng
- Kinh doanh vận chuyển hàng
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản
- Hoạt động xuất nhập khẩu
- Trồng rừng

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày bãi nhiệm</u>
Ông Lê Đình Hiễn	Chủ tịch	01-07-2011	
Ông Lương Hùng Minh	P.Chủ tịch	01-07-2011	21-04-2012
Ông Lương Minh Nhật	Thành viên		
Ông Võ Xuân Sơn	Thành viên		
Ông Lê Xuân Diệp	Thành viên		
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên		
Ông Võ Lai	Thành viên	01-07-2011	21-04-2012
Ông Nguyễn Danh Cường	Thành viên		01-07-2011

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc	01-07-2011
Ông Võ Xuân Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Mỹ Dung	Kế toán trưởng	

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 08 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN AN THÁI



RSM DTL Auditing

Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thù
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 13.159/BCSX-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 28 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2012



TÀNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

DIỆC LỆ BÌNH
Chứng chỉ KTV số 1714/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		45.694.329.106	85.570.696.162
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.253.414.588	33.674.869.381
1. Tiền	111		8.253.414.588	13.674.869.381
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	14.475.266.586	23.651.475.683
1. Phải thu khách hàng	131		18.312.681.458	23.998.738.328
2. Trả trước cho người bán	132		2.963.081.702	2.980.773.552
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		3.116.520.391	2.722.406.013
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(9.917.016.965)	(6.050.442.210)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	20.357.794.563	21.064.093.048
1. Hàng tồn kho	141		20.357.794.563	21.064.093.048
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.607.853.369	2.180.258.050
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	666.460.814	614.559.615
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		129.945.639	50.648.279
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	1.811.446.916	1.515.050.156

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87.868.065.900	93.199.532.689
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		74.558.604.614	79.649.380.203
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	72.012.924.780	77.552.312.323
+ Nguyên giá	222		145.618.420.647	144.291.620.094
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.605.495.867)	(66.739.307.771)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	1.397.459.171	1.273.081.699
+ Nguyên giá	228		4.616.485.373	4.336.485.373
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.219.026.202)	(3.063.403.674)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	1.148.220.663	823.986.181
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	9.012.270.312	10.062.270.312
1. Đầu tư vào công ty con	251		9.012.270.312	9.012.270.312
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	1.050.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.297.190.974	3.487.882.174
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	3.661.575.126	2.919.041.317
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.11	635.615.848	568.840.857
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		133.562.395.006	178.770.228.851

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.083.203.228	56.375.961.921
I. Nợ ngắn hạn	310		18.013.203.228	40.855.956.907
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	18.802.271.248
2. Phải trả người bán	312	5.12	8.800.051.750	11.866.653.469
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	1.232.989.422	824.040.008
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	244.634.263	682.534.320
5. Phải trả người lao động	315		3.446.108.991	4.857.294.126
6. Chi phí phải trả	316	5.14	169.121.685	1.103.988.077
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	3.353.889.305	1.857.431.051
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		766.407.812	861.744.608
II. Nợ dài hạn	330		70.000.000	15.520.005.014
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	15.280.674.510
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	169.330.504
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		70.000.000	70.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.479.191.778	122.394.266.930
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	115.479.191.778	122.394.266.930
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.378.566.720	21.378.566.720
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(4.372.135.515)	(4.372.135.515)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.194.703.585	7.380.605.992
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.296.318.165	1.725.480.714
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.981.738.823	11.281.749.019
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		133.562.395.006	178.770.228.851

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.762.845.368	1.762.845.368
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		109.986,24	292.428,12
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ MỸ DUNG

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 07 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN AN THÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	79.569.894.575	84.649.483.408
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	135.064.687	160.641.350
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	79.434.829.888	84.488.842.058
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	63.044.561.698	62.970.013.844
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.390.268.190	21.518.828.214
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.524.361.581	2.465.543.939
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.844.383.326	4.000.678.683
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.495.119.339	3.561.659.307
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	2.714.069.919	3.822.217.748
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	12.155.795.209	7.407.252.189
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.200.381.317	8.754.223.533
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.293.210.606	878.654.071
12. Chi phí khác	32	6.8	125.724.414	804.573.614
13. Lợi nhuận khác	40		1.167.486.192	74.080.457
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.367.867.509	8.828.303.990
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	72.031.093	1.724.388.835
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.295.836.416	7.103.915.155

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ MỸ DUNG

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 07 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN AN THÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.367.867.509	8.828.303.990
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		7.021.810.624	7.117.067.539
Các khoản dự phòng	03		3.866.574.755	(47.950.944)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(1.354.802.060)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.489.230.579)	-
Chi phí lãi vay	06		1.495.119.339	3.561.659.307
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		13.262.141.648	18.104.277.832
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.271.085.077	15.165.776
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		706.298.485	(1.618.563.618)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(6.882.112.492)	(5.305.301.358)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(794.435.008)	(186.993.024)
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.495.119.339)	(3.561.659.307)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(151.388.453)	(1.127.709.145)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	27.066.900
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(753.353.859)	(680.813.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		10.163.116.059	5.665.470.786
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.387.841.028)	(1.735.936.281)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	370.379.490
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(400.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.517.772.912	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.050.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.875.943.022	2.060.805.604
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.655.874.906	695.248.813

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(1.823.081.886)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		24.348.918.391	17.019.075.168
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(58.431.864.149)	(22.846.636.856)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.157.500.000)	(4.894.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(42.240.445.758)	(12.545.143.574)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(25.421.454.793)	(6.184.423.975)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		33.674.869.381	25.795.498.536
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	47.950.944
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		8.253.414.588	19.659.025.505

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ MỸ DUNG

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 07 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN AN THÁI

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 85.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/6/2012 gồm:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp Hiệp An	Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng
2	Xí Nghiệp Gạch ngói Tuynel Thanh Mỹ	Nghĩa Lập, Thanh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng
3	Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, Thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng
4	Xí Nghiệp Bê tông Hiệp Lực	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt
5	Xí Nghiệp Xây Lắp	Đã ngừng hoạt động từ năm 2007
6	Xí Nghiệp Đá Cát	Đã ngừng hoạt động từ năm 2011

Các công ty con tính đến ngày 30/06/2012 gồm :

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt
2	Công ty CP Hiệp Thành	Tam Bốc, Di Linh, Lâm Đồng

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác và kinh doanh khoáng sản

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng
- Kinh doanh vận chuyển hàng
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản
- Hoạt động xuất nhập khẩu
- Trồng rừng

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 12 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
+ Cây lâu năm và tài sản cố định hữu hình khác	04 - 07 năm
+ Tài sản cố định vô hình	17 - 26 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế:
 - + Tại Xí Nghiệp Hiệp Tiến : theo Giấy chứng nhận đầu tư số 42121000273 ngày 09/06/2008, dự án đầu tư mở rộng nhà máy cao lanh Hiệp Tiến được hưởng ưu đãi thuế như sau : được miễn thuế TNDN trong 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ phần đầu tư mở rộng và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm cuối cùng Xí Nghiệp được giảm 50% số thuế phải nộp.
 - + Tại Xí Nghiệp Gạch Ngói Tuynen Thanh Mỹ : theo Giấy chứng nhận đầu tư số 42121000275 ngày 13/06/2008, dự án đầu tư mở rộng nhà máy gạch Tuynen Thanh Mỹ được hưởng ưu đãi thuế như sau : được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%, ngoài ra Xí Nghiệp được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm cuối cùng Xí Nghiệp được giảm 50% số thuế phải nộp.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay..

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.13. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của giai đoạn tài chính này:

Kết quả hoạt động kinh doanh (trích)

	Kỳ trước (Phân loại lại)	Kỳ trước (Đã được trình bày trước đây)	Chênh lệch
Các khoản giảm trừ doanh thu	160.641.350	50.086.850	110.554.500
Giá vốn hàng bán	62.970.013.844	55.872.152.511	7.097.861.333
Chi phí tài chính	4.000.678.773	3.563.567.041	437.111.732
Chi phí bán hàng	3.822.217.748	11.467.745.313	(7.645.527.565)
Cộng	70.953.551.715	70.953.551.715	-

Nguyên nhân trình bày lại số kỳ trước trên bảng kết quả kinh doanh : phân loại lại một số chi phí cho phù hợp với nội dung phát sinh

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	47.083.728	372.435.663
Tiền gửi ngân hàng	8.206.330.860	13.302.433.718
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
Tổng cộng	8.253.414.588	33.674.869.381

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	18.312.681.458	23.998.738.328
Trả trước cho người bán	2.963.081.702	2.980.773.552
Các khoản phải thu khác	3.116.520.391	2.722.406.013
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	24.392.283.551	29.701.917.893
Dự phòng phải thu khó đòi	(9.917.016.965)	(6.050.442.210)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	14.475.266.586	23.651.475.683

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, chi tiết số dư phải thu các bên có liên quan gồm (xem mục 7):

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP Hiệp Thành	-	522.332.189
Công ty TNHH Hiệp Thịnh Phát	249.437.320	453.615.910
Cộng	249.437.320	975.948.099

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu lợi nhuận chuyển về từ Công ty TNHH Hiệp Thịnh Phát – xem mục 7	1.086.482.767	473.195.210
Phải thu tiền lợi nhuận chuyển về từ Công ty CP Hiệp Thành – xem mục 7	368.435.000	368.435.000
Phải thu khách hàng mặng xây lắp	1.147.599.652	1.147.599.652
Phải thu tiền trợ cấp thôi việc chi hộ từ Cty Hiệp Thịnh Phát – xem mục 7	133.940.400	-
Khác	380.062.572	733.176.151
Cộng	3.116.520.391	2.722.406.013
5.3. Hàng tồn kho		
	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	7.549.941.531	7.408.452.358
Công cụ, dụng cụ	737.836.185	189.554.686
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.679.023.530	4.325.862.705
Thành phẩm	7.085.623.317	9.140.223.299
Hàng hóa	1.305.370.000	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	20.357.794.563	21.064.093.048
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	20.357.794.563	21.064.093.048
5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Cuối kỳ	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	533.614.981	479.131.282
Chi phí chờ kết chuyển	132.845.833	135.428.333
Tổng cộng	666.460.814	614.559.615
5.5. Tài sản ngắn hạn khác		
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	1.811.446.916	1.515.050.156
Tổng cộng	1.811.446.916	1.515.050.156

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	42.457.979.192	79.863.737.751	19.710.538.995	1.422.344.398	520.611.939	316.407.819	144.291.620.094
Mua trong kỳ	999.124.553	250.526.000	62.950.000	14.200.000	-	-	1.326.800.553
Phân loại lại	-	55.000.000	(55.000.000)	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	43.457.103.745	80.169.263.751	19.718.488.995	1.436.544.398	520.611.939	316.407.819	145.618.420.647
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	16.233.910.889	38.186.146.841	10.583.386.046	1.231.331.889	257.136.669	247.395.437	66.739.307.771
Khấu hao trong kỳ	1.431.665.232	4.334.274.494	1.010.057.440	50.757.478	30.804.366	8.629.086	6.866.188.096
Số dư cuối kỳ	17.665.576.121	42.520.421.335	11.593.443.486	1.282.089.367	287.941.035	256.024.523	73.605.495.867
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	26.224.068.303	41.677.590.910	9.127.152.949	191.012.509	263.475.270	69.012.382	77.552.312.323
Tại ngày cuối kỳ	25.791.527.624	37.648.842.416	8.125.045.509	154.455.031	232.670.904	60.383.296	72.012.924.780

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.176.809.580 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Hệ thống QL chất lượng ISO	Quyền sử dụng đất	Chi phí thăm dò hàm mỏ	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	431.993.275	1.349.197.000	2.528.795.098	26.500.000	4.336.485.373
Tăng trong kỳ	-	280.000.000	-	-	280.000.000
Số dư cuối kỳ	431.993.275	1.629.197.000	2.528.795.098	26.500.000	4.616.485.373
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	342.173.024	1.120.786.000	1.593.819.650	6.625.000	3.063.403.674
Khấu hao trong kỳ	36.655.128	-	115.654.902	3.312.498	155.622.528
Số dư cuối kỳ	378.828.152	1.120.786.000	1.709.474.552	9.937.498	3.219.026.202
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	89.820.251	228.411.000	934.975.448	19.875.000	1.273.081.699
Tại ngày cuối kỳ	53.165.123	508.411.000	819.320.546	16.562.502	1.397.459.171

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.305.275.015 đồng

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trạm trộn bê tông N'thôn Hạ	645.481.074	-
Tái đánh giá hệ thống Iso	-	127.063.000
Tấm lót nguội Hiệp An	-	19.153.181
Nhà máy cao lanh Hiệp Tiến	-	677.770.000
Nhà chứa than	168.975.089	-
Sửa goong XN Thạnh Mỹ	333.764.500	-
Tổng cộng	1.148.220.663	823.986.181

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	9.012.270.312	9.012.270.312
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	1.050.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	9.012.270.312	10.062.270.312
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	9.012.270.312	10.062.270.312

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đầu tư vào cổ phiếu công ty con, công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	100,00%	1.643.570.312	100,00%	1.643.570.312
Công ty CP Hiệp Thành	58.48%	7.368.700.000	58.48%	7.368.700.000
Công ty CP Hiệp Phú	-	-	35,00%	1.050.000.000
Cộng		9.012.270.312		10.062.270.312

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
CCDC chờ phân bổ	2.552.495.298	1.655.894.435
Chi phí đền bù để khai thác mỏ	1.003.549.022	1.173.052.127
Khác	105.530.806	90.094.755
Tổng cộng	3.661.575.126	2.919.041.317

5.11. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ cho Quỹ bảo vệ môi trường cho việc khai thác mỏ

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	8.800.051.750	11.866.653.469
Người mua trả tiền trước	1.232.989.422	824.040.008
Tổng cộng	10.033.041.172	12.690.693.477

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, phải trả các bên có liên quan được chi tiết như sau (xem mục 7) :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	2.242.677.721	3.387.626.000
Tổng cộng	2.242.677.721	3.387.626.000

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	155.249.096	490.082.120
Thuế thu nhập cá nhân	34.123.567	7.354.600
Thuế tài nguyên	29.937.600	143.418.600
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.940.000	-
Các loại thuế khác	21.384.000	41.679.000
Tổng cộng	244.634.263	682.534.320

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí vận chuyển	64.827.266	538.397.000
Chi phí khác	104.294.419	565.591.077
Tổng cộng	169.121.685	1.103.988.077

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	10.487.875	10.487.875
Kinh phí công đoàn	465.916.418	391.137.576
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	246.671.983	292.495.257
Phải trả cổ tức năm 2011	1.631.500.000	-
Phải trả Cty CP Hiệp Thành – xem mục 7	8.100.000	8.100.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	991.213.029	1.155.210.343
Tổng cộng	3.353.889.305	1.857.431.051

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	85.000.000.000	21.378.566.720	(2.549.053.629)	7.435.869.130	12.077.427.329	123.342.809.550
Mua CP quỹ	-	-	(1.823.081.886)	-	-	(1.823.081.886)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	11.416.749.019	11.416.749.019
Chia cổ tức					(9.909.000.000)	(9.909.000.000)
Tăng khác	-	-	-	515.441.096	-	515.441.096
Trích quỹ	-	-	-	1.229.693.749	(2.168.427.329)	(938.733.580)
Giảm khác	-	-	-	(74.917.269)	(135.000.000)	(209.917.269)
Số dư đầu năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	9.106.086.706	11.281.749.019	122.394.266.930
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	3.295.836.416	3.295.836.416
Trích quỹ	-	-	-	1.070.837.451	(1.492.749.019)	(421.911.568)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.789.000.000)	(9.789.000.000)
Tăng khác	-	-	-	314.097.593	(314.097.593)	-
Số dư cuối kỳ	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	10.491.021.750	2.981.738.823	115.479.191.778

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Số cổ phần	Số vốn góp	Tỷ lệ
Tổ chức trong nước	2.053.459	20.534.590.000	25.17%
Tổ chức nước ngoài	28.100	281.000.000	0.34%
Cá nhân trong nước	5.999.151	59.991.510.000	73.54%
Cá nhân nước ngoài	76.790	767.900.000	0.94%
Tổng cộng	8.157.500	81.575.000.000	100.00%

5.16.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.500.000	8.500.000
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(342.500)	(342.500)
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.157.500	8.157.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bentonite và giao khoán mỏ -VPCT	5.110.277.376	1.868.205.002
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt – XN Hiệp An	16.276.694.181	19.212.558.891
Doanh thu gạch – XN Thanh Mỹ	14.366.321.990	12.391.584.135
Doanh thu cao lanh – XN Hiệp Tiến	15.788.500.387	21.858.526.513
Doanh thu bê tông – XN Hiệp Lực	28.028.100.641	19.525.245.546
Doanh thu xây lắp	-	27.719.448
Doanh thu đá cát	-	9.765.643.873
Giảm giá hàng bán	-	(50.086.850)
Thuế xuất khẩu	(135.064.687)	(110.554.500)
Doanh thu thuần	79.434.829.888	84.488.842.058

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn bentonite và giao khoán mỏ -VPCT	4.611.401.397	472.190.056
Giá vốn gốm sứ chịu nhiệt – XN Hiệp An	15.478.199.460	15.737.964.982
Giá vốn gạch – XN Thanh Mỹ	11.110.028.042	10.474.321.351
Giá vốn cao lanh – XN Hiệp Tiến	11.056.437.957	15.882.100.646
Giá vốn bê tông – XN Hiệp Lực	20.788.494.842	13.329.075.580
Giá vốn xây lắp	-	27.719.448
Giá vốn đá cát	-	7.046.641.781
Cộng	63.044.561.698	62.970.013.844

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	665.877.812	1.728.673.939
Lợi nhuận được chia	1.823.352.767	736.870.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.131.002	-
Tổng cộng	2.524.361.581	2.465.543.939

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	1.495.119.339	3.446.908.164
Chiết khấu thanh toán	297.066.530	447.337.969
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.312.852	104.960.582
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.471.968
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.884.605	-
Tổng cộng	1.844.383.326	4.000.678.683

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên bán hàng	796.446.953	1.013.823.144
Chi phí vật liệu, bao bì	692.548.700	1.110.430.910
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.596.448	28.037.400
Chi phí khấu hao	705.425.112	689.269.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	473.633.245	699.532.953
Chi phí bằng tiền khác	41.419.461	281.123.427
Tổng cộng	2.714.069.919	3.822.217.748

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	5.840.747.769	4.425.884.927
Chi phí vật liệu, bao bì	475.517.075	515.858.484
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	77.619.302	166.256.553
Chi phí khấu hao	520.844.576	505.780.726
Chi phí dự phòng	3.882.838.155	-
Thuế, phí và lệ phí	239.113.763	117.878.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.191.086	290.363.250
Chi phí bằng tiền khác	829.923.483	1.385.230.249
Tổng cộng	12.155.795.209	7.407.252.189

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Xử lý hàng tồn kho	391.344.047	-
Thu nhập cho thuê xe xúc	612.633.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Xử lý công nợ	273.109.118	1.204.438
Bán phế liệu	13.057.273	390.649.700
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	481.245.946
Thu nhập khác	3.066.668	5.553.987
Tổng cộng	1.293.210.606	878.654.071
6.8. Chi phí khác		
	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	418.994.453
Bán vật tư	-	378.147.350
Xử lý công nợ	122.992.292	-
Chi phí khác	2.732.122	7.431.811
Tổng cộng	125.724.414	804.573.614
6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	3.367.867.510	8.828.303.990
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	-	7.431.811
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(1.823.352.767)	(784.820.944)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	1.544.514.743	8.050.914.857
Trong đó :		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	1.722.551.741	266.501.945
Thu nhập chịu thuế suất 25%	(178.036.998)	7.784.412.912
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	300.001.099	1.999.403.617
Trừ thuế TNDN được miễn giảm	(227.970.006)	(275.104.782)
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	72.031.093	1.724.388.835
6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
		Kỳ này
Chi phí nhân công		16.872.918.741
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		41.877.300.226
Chi phí công cụ, đồ dùng		1.396.151.206
Chi phí khấu hao tài sản cố định		7.021.810.624
Chi phí dự phòng		3.882.838.155
Thuế, phí, lệ phí		272.752.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài		3.914.717.848
Chi phí khác bằng tiền		1.279.868.804
Tổng cộng		76.518.357.669

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP Hiệp Thành	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	1.838.295.487	1.817.578.309
Phải trả - Xem thêm mục 5.12 và 5.15	2.250.777.721	3.395.726.000

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cung cấp dịch vụ giao khoán mỏ	1.888.381.000	-
Bán hàng	83.583.000	-
Bán tài sản cố định	-	370.379.490
Chuyển chi phí bóc tầng phủ mỏ bentonite	367.018.644	-
Thu nhập từ chuyển lợi nhuận	1.823.352.767	736.870.000
Mua hàng	9.997.452.500	-

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	288.000.000	288.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc	392.603.000	342.680.000
Tổng cộng	680.603.000	630.680.000

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.11

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.253.414.588	33.674.869.381
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.711.686.383	24.620.493.850
Tổng cộng	23.965.100.971	58.295.363.231
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	34.082.945.758
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	10.439.651.750	11.874.753.469
Chi phí phải trả	169.121.685	1.103.988.077
Tổng cộng	10.608.773.435	47.061.687.304

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2012	01/01/2012	30/06/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	-	-	114.319,04	292.428,12

- Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	10.439.651.750	-	10.439.651.750
Chi phí phải trả	169.121.685	-	169.121.685
Các khoản vay	-	-	-
Cộng	10.608.773.435	-	10.608.773.435

01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	11.874.753.469	-	11.874.753.469
Chi phí phải trả	1.103.988.077	-	1.103.988.077
Các khoản vay	18.802.271.248	15.280.674.510	34.082.945.758
Cộng	31.781.012.794	15.280.674.510	47.061.687.304

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.711.686.383	-	15.711.686.383
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.620.493.850	-	24.620.493.850

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 16 tháng 07 năm 2012.

Lâm Đồng, ngày 16 tháng 07 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ MỸ DUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN AN THÁI